

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Tuyết

2. Ông Tản Láo San

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chảo Láo L** - Sinh ngày 09/9/1982 tại xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chảo Phù C- Sinh năm 1955 (Đã chết) và bà Tẩn Tả M- Sinh năm 1957; Vợ là Tẩn Sỉ Mẫy - Sinh năm 1981; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lường Thị X - Sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Đội 16, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. “Vắng mặt” (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Lường Thị H - Sinh năm 2000

Nơi cư trú: Đội 16, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 và tháng 12/2020, Lường Thị X - Sinh năm 1998 và em gái là Lường Thị H - Sinh năm 2000, cùng trú tại Đội 16, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xuất cảnh qua cửa khẩu Ma Lù Thàng, tỉnh Lai Châu sang Trung Quốc bán quần áo thuê. Ngày 28/02/2021, cả hai chị em có nhu cầu về Việt nam thăm gia đình và được bà chủ người Trung Quốc giới thiệu cho một người đàn ông Trung Quốc lái xe ôm. Lường Thị X được người đàn ông này cho số điện thoại của Chảo Láo L để liên hệ nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/02/2021, Chảo Láo L đang ở nhà thì Lường Thị X gọi điện trao đổi và kết bạn Zalo với L, X dùng tin nhắn thoại qua ứng dụng Zalo thỏa thuận với L về việc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam, L bảo nếu về thì về vào ban đêm, giá 300 nhân dân tệ/01 người, X đồng ý và bảo ngày 02/03/2021 về, L bảo khi nào về đến thôn Lũng Pô, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát thì gọi L ra đón. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 02/03/2021, X và H thuê người đàn ông Trung Quốc chở ra khu vực biên giới để về Việt Nam. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, X gọi điện cho L nói sắp đến suối Lũng Pô, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, L bảo X đến đoạn có cột thì đi xuống bờ suối ở khu vực đó. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/3/2021, L đi xe mô tô từ nhà đi theo đường tỉnh lộ 156, khi đi đến cách công Đoàn kinh tế Quốc phòng 345 khoảng 300 mét thì rẽ trái khoảng 20 mét để xe ở đó rồi đi bộ ra suối Lũng Pô. Khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày, X và H đi đến khu vực biên giới đối diện với thôn Lũng Pô 1, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, người chở xe ôm dẫn X và H đi bộ theo lối mòn xuống bờ suối và nói qua suối là đất Việt Nam, X trả cho người đàn ông này 2.500 nhân dân tệ. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, X và H cùng nhau lội qua suối sang bờ bên Việt Nam, X gọi điện cho L thì L nói chờ L đang đi ra. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, L đến vị trí bờ suối, cách cột mốc biên giới số 91 khoảng 800 mét về phía hạ lưu thuộc địa phận thôn Lũng Pô 1, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, L dẫn X và H đi bộ khoảng 01 giờ đồng hồ theo đường mòn về đến chỗ L để xe. Đến nơi, X nhờ L gọi hộ taxi, L đã gọi cho Đào Văn Q - Sinh năm 1972, trú tại thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, bảo Q chở cho L một chuyến xe từ thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung ra Lào Cai, lúc đó Q đang ở Trinh Tường đi về nhà. Trong lúc đứng chờ xe taxi đến đón, X đưa cho L 300 nhân dân tệ, L nói đón 02 người sao chỉ trả 300 nhân dân tệ, X nói không còn tiền mặt, khi nào ra tới Lào Cai sẽ rút tiền gửi người lái xe taxi cầm về cho L 1.000.000 đồng, L đồng ý. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi L, X và H vẫn đang đứng chờ xe thì bị tổ công tác của Công an huyện Bát Xát cùng với Công an xã A Mú Sung và Đồn Biên phòng A Mú Sung phát hiện, L đã bỏ chạy, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, L đến Công an xã A Mú Sung đầu thú, đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung, loại máy J4 CORE, màu đồng, số IMEI 1: 353793101932773, số IMEI 2: 353794101932771, bên trong được lắp 01 sim Vinaphone, số seri: 89840200010960979771, số thuê bao: 0915175329 và 03 tờ tiền Trung Quốc mệnh giá 100 đồng, có số seri lần lượt là: X9G8079366, U5A5063857, E7B0103616.

Ngoài ra Tổ công tác còn tạm giữ 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại xe Win, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B2-270.77 của bị cáo Chảo Láo L và 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu hồng, bị vỡ kính, rạn nứt nham nhở, số IMEI 1: 356202090642135; Số IMEI 2: 356203090642133 của Lương Thị X.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 25/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Chảo Láo L về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo Chảo Láo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Chảo Láo L về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Chảo Láo L phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại máy J4 CORE, màu đồng, số IMEI 1: 353793101932773, số IMEI 2: 353794101932771, bên trong được lắp 01 sim Vinaphone, số seri: 89840200010960979771, số thuê bao: 0915175329, máy đã qua sử dụng của Chảo Láo L; 03 tờ tiền mệnh giá 100 nghìn đồng có số seri lần lượt là X9G8079366, U5A5063857, E7B0103616 của Chảo Láo L; Trả lại cho bị cáo Chảo Láo L 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại xe Win, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B2 - 270.77, xe có 01 gương bên trái, không có chìa khóa; Trả lại cho chị Lương Thị X 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu hồng, bị vỡ kính, rạn nứt nham nhở, số IMEI 1: 356202090642135; Số IMEI 2: 356203090642133, máy đã qua sử dụng.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Chảo Láo L trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Chảo Láo L về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Chảo Láo L là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện về hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án 01 năm tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng A Mú Sung, Công an xã A Mú Sung, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tang vật thu giữ. Bị cáo Chảo Láo L là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, nhận thức được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên ngày 02/03/2021, Chảo Láo L đã có hành vi tổ chức đón Lương Thị X và Lương Thị H nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhằm được hưởng lợi số tiền 600 nhân dân tệ (tức 300 nhân dân tệ/01 người). Khi bị Tổ công tác Công an huyện Bát Xát phát hiện, Chảo Láo L đã bỏ chạy sau đó Chảo Láo L đã đến Công an xã A Mú Sung, huyện Bát Xát đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Chảo Láo L phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam; xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa pH, là mầm mống lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm từ nước ngoài vào Việt Nam nhất là trong thời điểm Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện việc phòng, chống đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Chảo Láo L đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; sau khi bỏ trốn Chảo Láo L đã ra đầu thú vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo không có tài sản và thu nhập gì. Vì vậy không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại xe Win, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B2 - 270.77, xe có 01 gương bên trái, không có chìa khóa thu giữ được của Chảo Láo L, quá trình điều tra và tại phiên tòa chiếc xe trên thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo chỉ sử dụng để đi đến địa điểm hẹn với Lương Thị X, không có ý định sẽ chở Lương Thị X và Lương Thị H, xét thấy chiếc xe mô tô không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung, loại máy J4 CORE, màu đồng, số IMEI 1: 353793101932773, số IMEI 2: 353794101932771, bên trong được lắp 01 sim Vinaphone, số seri: 89840200010960979771, số thuê bao: 0915175329, máy đã qua sử dụng thu giữ của Chảo Láo L, bị cáo đã dùng chiếc điện thoại này để liên lạc trao đổi về việc nhập cảnh trái phép cho Lương Thị X và Lương Thị Xuân, do đó chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 03 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) có số seri lần lượt là X9G8079366, U5A5063857, E7B0103616 là tiền do Chảo Láo L phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu hồng, bị vỡ kính, rạn nứt nham nhở, số IMEI 1: 356202090642135; Số IMEI 2: 356203090642133, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lương Thị X. Xét thấy Lương Thị X đã bị xử phạt vi phạm hành chính, Lương Thị X có ý kiến xin nhận lại chiếc điện thoại vì vậy trả lại cho Lương Thị X chiếc điện thoại trên là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với người phụ nữ là bà chủ của Lương Thị X đã giới thiệu người đàn ông Trung Quốc lái xe ôm và người đàn ông này đã cho X số điện thoại của Chảo Láo L để liên hệ đón X và H nhập cảnh trái phép, người đàn ông này còn chở chị em X đi ra khu vực biên giới và nhận số tiền 2.500 nhân dân tệ. Do X và H không biết tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ và người đàn ông người Trung Quốc này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý xét thấy là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên Q mà Lương Thị X nhờ Chảo Láo L gọi điện đến để chở hai chị em X ra thành phố Lào Cai. Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ người này là Đào Văn Q - Sinh năm 1972, tạm trú tại thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Đào Văn Q có một chiếc xe ô tô, biển kiểm soát 24C-092.39. Tối ngày 02/3/2021, Q đang ở xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thì Chảo Láo L gọi điện bảo Q chở cho L một chuyến xe ở Thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát nhưng L không nói là chở ai và không nói đi đâu. Khi Q về đến nhà, L tiếp tục gọi điện cho Q nhưng Q bảo không đi vì xe hết dầu không đi được. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đào Văn Q là phù hợp.

Đối với Lương Thị X và Lương Thị H đã có hành vi nhập cảnh trái phép ngày 02/3/2021 tại thôn Lũng Pô 1, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Đoàn A Mú Sung đã xử phạt Lương Thị X và Lương Thị H mỗi người 3.000.000 đồng về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15 và 16/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2021 của Đoàn Biên phòng A Mú Sung là đúng quy định.

[8] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, xét xử bị cáo Chảo Láo L mức án 01 tù không được chấp nhận. Bị cáo Chảo Láo L là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã tổ chức cho 02 người nhập cảnh trái phép để thu lợi sô tiền 600 nhân dân tệ; tại thời điểm Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện việc phòng, chống đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 thì hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của bị cáo là một trong những nguyên nhân lây lan dịch bệnh . Do đó mức hình phạt như đề nghị của người bào chữa là không đủ sức răn đe, giáo dục và cải tạo đối với bị cáo.

[9] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Chảo Láo L phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Chảo Láo L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, loại máy J4 CORE, màu đồng, số IMEI 1: 353793101932773, số IMEI 2: 353794101932771, bên trong được lắp 01 sim Vinaphone, số seri: 89840200010960979771, số thuê bao: 0915175329, máy đã qua sử dụng của Chảo Láo L; 03 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) có số seri lần lượt là X9G8079366, U5A5063857, E7B0103616 của Chảo Láo L.

Trả lại cho bị cáo Chảo Láo L 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại xe Win, màu sơn đen, biển kiểm soát 24B2 - 270.77, xe có 01 gương bên trái, không có chìa khóa.

Trả lại cho chị Lường Thị X 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu hồng, bị vỡ kính, rạn nứt nham nhở, số IMEI 1: 356202090642135; Số IMEI 2: 356203090642133, máy đã qua sử dụng.

(Vật chứng thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa Công an huyện Bát Xát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Chảo Láo L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp; Trại tạm giam.
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Bị cáo; Người bào chữa; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thu Trang